

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM GIÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Cẩm Giàng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Cẩm Giàng về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Cẩm Giàng;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Cẩm Giàng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Cẩm Giàng;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 422/TTr-KT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Cẩm Giàng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao dự toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Sở Tài chính (B/c);
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hội

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng)

Đơn vị: Đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	126.866.000	Tổng số chi	126.866.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	8.296.000	I. Chi đầu tư phát triển	2.536.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	0	II. Chi thường xuyên	122.051.000
III. Thu bổ sung	118.570.000	III. Dự phòng	2.279.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	83.257.000		
- Bổ sung có mục tiêu	35.313.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm những khoản thu Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	Tổng số thu	9.100.000	8.296.000
I	Các khoản thu 100%	9.100.000	8.296.000
	- Phí, lệ phí	641.000	211.000
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	- Lệ phí trước bạ	1.580.000	1.580.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	280.000	280.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000
	- Tiền thuê mặt đất mặt nước	394.000	334.500
	- Tiền sử dụng đất	700.000	535.500
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.085.000	5.085.000
	- Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý		
	- Thu khác	410.000	260.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyên nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	0
	- Bổ sung cân đối ngân sách		
	- Bổ sung có mục tiêu		

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng
Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2025		
		Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	5	6	7
	Tổng số chi	126.866.000	2.536.000	124.330.000
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	2.955.000		2.955.000
	- Chi dân quân tự vệ	0		
	- Chi trật tự an toàn xã hội	0		
2	Chi giáo dục	58.786.000	200.000	58.586.000
3	Chi khoa học công nghệ	516.000		516.000
4	Chi y tế	0		
5	Chi văn hóa, thông tin	515.000		515.000
6	Chi phát thanh, truyền thanh	180.000		180.000
7	Chi thể dục, thể thao	225.000		225.000
8	Chi bảo vệ môi trường	1.083.000		1.083.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	5.953.000		5.953.000
	- Giao thông	560.000		560.000
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	1.715.003		1.715.003
	- Thị chính	0		
	- Thương mại, du lịch	0		
	- Các hoạt động kinh tế khác	0		
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.833.000	200000	31.633.000
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>	0		
10.1	Quản lý Nhà nước	0		
10.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	0		
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0		
10.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	0		
10.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	0		
10.6	Hội Cựu chiến binh	0		
10.7	Hội Nông dân	0		
10.8	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	0		
11	Chi cho công tác xã hội	18.217.000		18.217.000
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	0		
	- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	0		
	- Trợ cấp xã hội	0		
	- Khác	0		
12	Chi khác	4.324.000	2136000	2.188.000
14	Dự phòng	2.279.000		2.279.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng)

Đơn vị: Đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn ngân sách địa phương	Nguồn đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ		7.000.000	0	0	0	2.536.000	0	2.536.000	0
	Công trình khởi công mới		7.000.000	0	0	0	2.536.000	0	2.536.000	
I	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp									
1	Công trình xây dựng nhà làm việc chuyên môn 2 tầng xã Cẩm Giàng	2026-2028	3.000.000				200.000		200.000	
2	Công trình xây dựng các phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Quân Hà, xã Cẩm Giàng	2026-2028	4.000.000				200.000		200.000	
3	Tiết kiệm 5% theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025						27.000		27.000	
4	Nguồn chưa phân bổ						2.109.000		2.109.000	